TÒA ÁN NHÂN DÂNKHU VỰC X THÀNH PHỐ H	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **876**/2026/QĐST- HNGĐ	*Thành phố H, ngày 15 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC X- THÀNH PHỐ H

Căn cứ vào các Điều 212, 361, 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 757/2026/HNST ngày 17/4/2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Đoàn Minh L, sinh ngày 11/02/1980,

CCCD số 083080xxxx58 cấp ngày 27/12/2021,

Địa chỉ: 39 L, Khu phố X, phường P, Thành phố H;

2. Bà Trương Thị Tuyết M, sinh ngày 31/5/1985,

CCCD số 079185xxxx90 cấp ngày 21/02/2024,

Địa chỉ: 54A T, Khu phố X, phường T, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đoàn Minh L và bà Trương Thị Tuyết M thuận tình ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn của bà M và ông L ghi trong bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 07 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn của bà M và ông L.

[2] Về con chung: Ông Đoàn Minh L và bà Trương Thị Tuyết M khai có 01 con chung là trẻ Đoàn Thảo T, sinh ngày 06/8/2021. Khi ly hôn, hai bên thỏa thuận bà Trương Thị Tuyết M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà

M không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Ông L xin tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy việc thỏa thuận về con chung, cấp dưỡng nuôi con của bà M và ông L phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Hai bên khai không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Tuyết M và ông Đoàn Minh L thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân theo Giấy Chứng nhận kết hôn 215, ngày 29/12/2020 của Ủy ban nhân dân phường P, Thành phố H chấm dứt kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Đoàn Thảo T, sinh ngày 06/8/2021. Bà Trương Thị Tuyết M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Đoàn Minh L do bà M không yêu cầu.

Trong trường hợp bà M không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bà M cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp ông L lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà M có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Bà M và ông L khai không có.

- Về lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Trương Thị Tuyết M và ông Đoàn Minh L nộp nhưng được cấc trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0022606 ngày 10/4/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà M và ông L đã nộp đủ lệ phí.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực X;
- THADS Tp. H;
- UBND phường P, TP.H;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Ngọc N